

Bản án số: 05 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phát Triển.
- Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1998;

HKTT: 42 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

Bị đơn: Đặng Anh T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: G ấp L, xã H, huyện L, ĐT.

(Đương sự T có mặt tại phiên tòa, đương sự T1 vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T1, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi bỏ mặc vợ con không lo, chị T góp ý thì anh T1 chửi mắng, đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài không có giải pháp khắc phục nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T1 từ tháng 9/2023 đến nay.

Quá trình chung sống chị T, anh T1 có 01 con chung tên Đặng Anh P, sinh ngày 13/11/2016 hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không có, chị T không yêu cầu giải quyết.

Chị T yêu cầu:

- Hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về việc yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Đặng Anh T1, anh T1 đã ký nhận nhưng không trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ hai lần, Tòa án đã ra thông báo kết quả công khai chứng cứ đã tổng đạt hợp lệ cho anh T1 nhưng anh T1 cũng không trình bày ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, anh T1 vắng mặt tại các phiên hòa giải và không đến tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Đặng Anh T1 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là anh Đặng Anh T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập anh T1 xét xử lần thứ 2 đã tổng đạt hợp lệ anh T1 (anh T1 đã ký nhận văn bản tố tụng) nhưng anh T1 không đến tham dự phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với T1.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 17/4/2017. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh T1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi bỏ mặc vợ con không lo, chị T góp ý thì anh T1 chửi mắng, đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài không có giải pháp khắc phục nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T1 từ tháng 9/2023 đến nay. Sự việc xảy ra chị T có trình bày với cha mẹ chồng nhờ khuyên bảo anh T1 nhưng cha mẹ chồng nói là vợ chồng tự giải quyết. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên xin ly hôn với anh T1. Xét yêu cầu của chị T Hội đồng

xét xử xét thấy: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có mâu thuẫn với nhau theo chị T trình bày là do anh T1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi bỏ mặc vợ con không lo, chị T góp ý thì anh T1 chửi mắng, đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài không có giải pháp khắc phục nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T1 từ tháng 9/2023 đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa để phân tích, hòa giải, động viên tạo điều kiện để chị T và anh T1 tìm giải pháp đoàn tụ chung sống hạnh phúc nuôi dạy con nhưng anh T1 không đến tham dự cũng như không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Thời gian sống ly thân giữa anh T1 và chị T cũng không tìm được giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, giữa chị T và anh T1 đã không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T, anh T1 có 01 con chung tên Đặng Anh P, sinh ngày 13/11/2016 hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung tên P trưởng thành. Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về việc yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy con chung của anh chị là Đặng Anh P, sinh ngày 13/01/2016 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày anh chị sống ly thân đến nay, bé P phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần, chị T có nghề nghiệp thu nhập ổn định, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bé P cũng đã có bảng trình bày ý kiến là ở với mẹ nếu như cha mẹ ly hôn. Từ những nhận định phân tích trên xét yêu cầu được nuôi con tên P, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày là không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Anh T1.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Đặng Anh P, sinh ngày 13/01/2016. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và các thành viên gia đình không được quyền cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Đình chỉ giải quyết về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T do tại phiên tòa chị T rút yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ, tiền án phí của chị T được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 14/11/2023 theo biên lai thu số 0001271 của chị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung chị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (11/01/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC.THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Long;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bích Thủy